

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2019/HNGĐ-ST

Ngày 13/11/2019

V/v: “*Xin ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thúy Hằng
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 1. Ông: Trần Văn Phước
 2. Ông: Nguyễn Tổng Nê
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Đoàn Ngọc Sơn – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Ngọc Phần – Kiểm sát viên.

Ngày 13/11/2019 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 612/2019/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2019, về việc: “*Xin ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/10/2019 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Ngọc H**, sinh năm: 1980.

+ Bị đơn: **Nguyễn Sĩ N**, sinh năm: 1977.

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa, chị H có mặt, anh N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 18/9/2019, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Sĩ N kết hôn vào năm 2001, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh N có quan hệ với người phụ nữ khác không chăm lo cho hạnh phúc gia đình. Chị nhiều lần động viên khuyên giải để tạo điều kiện cho anh N sửa đổi nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt hơn nên chị và anh N đã ly thân từ năm 2014 đến nay. Nay, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên xin ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị và anh N có 01 con chung tên: Nguyễn Sĩ V, sinh ngày 26/10/2002 hiện đang sống với anh N. Sau khi ly hôn chị để cháu Văn cho anh N nuôi và chị đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Sĩ N vắng mặt tại tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Ngọc H đối với anh Nguyễn Sĩ N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe nguyên đơn phát biểu tranh luận. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án đối với bị đơn là anh Nguyễn Sĩ N, Tòa án đã tiến hành thực hiện việc cấp, tổng đạt hợp lệ về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và đưa vụ án ra xét xử nhiều lần nhưng anh N vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh N Sĩ Nguyễn tự nguyện kết hôn vào năm 2001, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre. Trong thời gian chung sống do không cùng quan điểm nên phát sinh mâu thuẫn không hàn gắn được nên anh chị đã không sống chung từ năm 2014 cho đến nay. Nay, chị H khẳng định tình cảm vợ chồng không thể hòa hợp được nên xin ly hôn. Anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên hòa giải và thông báo việc giao nộp chứng cứ theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không lý do coi như đã từ bỏ ý định xin được đoàn tụ với chị H. Qua xác minh thu thập chứng cứ ở địa phương nơi anh chị sinh sống cho thấy, anh N và chị H đã có thời gian sống ly thân để tạo cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thể hòa hợp được. Do anh N vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải cho anh chị đoàn tụ được mà lập biên bản hòa giải đoàn tụ không được. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân của chị H và anh N đã đến mức trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị H xử cho chị H được ly hôn anh N.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống chị H và anh N có 01 con chung tên: Nguyễn Sĩ V, sinh ngày 26/10/2002 hiện đang sống với anh N. Chị H đồng ý để anh N tiếp tục nuôi con và cấp dưỡng cho anh N nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Xét thấy, việc trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn không những là quyền mà còn là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên. Hiện cháu Văn đang sống với anh N, anh N vẫn đảm bảo được việc nuôi dạy con tốt không có vi phạm gì và cháu Văn cũng có nguyện vọng được sống với cha. Để đảm bảo cho đời sống của con sau này và để không làm xáo trộn cuộc sống của con chưa thành niên nên chấp nhận yêu cầu của chị H. Xử cho anh N được tiếp tục nuôi con chung. Chị H đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng. Xét đây là sự tự nguyện của chị H nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H khai không có nên ghi nhận.

[5] Về án phí: Chị H phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm (đối với số tiền cấp dưỡng nuôi con) là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Ngọc Hà đối với anh Nguyễn Sĩ N.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Ngọc Hà và anh Nguyễn Sĩ N được ly hôn.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Sĩ N được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Sĩ V, sinh ngày 26/10/2002 cho đến khi tròn 18 tuổi. Chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho anh N nuôi cháu Văn mỗi tháng là 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*), thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Văn tròn 18 tuổi.

Việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc Hà phải chịu là 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (đối với phần cấp dưỡng nuôi con) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007103 ngày 25/9/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre. Chị H phải nộp thêm số tiền án phí là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có mặt tại tòa có quyền làm đơn kháng cáo, bị đơn vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại trụ sở UBND nơi cư trú của bị đơn để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- **TAND T. Bến Tre;**
- **VKS H. Châu Thành;**
- **THADS H. Châu Thành;**
- **Các đường sự;**
- **UBND xã;**
- **Lưu.**

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lê Thị Thúy Hằng